

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục 84 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1020/TTr-VPUBND ngày 19 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục 84 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Bãi bỏ Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Giao các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này:

1. Triển khai niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp và Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2. Thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình điện tử các thủ tục hành chính nêu trên để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định.

3. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn để người dân, tổ chức, doanh nghiệp biết, thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Phó CVP.UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố (*triển khai đến UBND các xã, phường, thị trấn*);
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc VPUBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTT.



Trần Ngọc Tam

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ
GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 1400 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan tiếp nhận giải quyết TTHC
1	2	3	4
I. Sở Giáo dục và Đào tạo			
1	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Bộ phận Một cửa Sở Giáo dục và Đào tạo tại Trung tâm Phục vụ hành chính công
II. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh(gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công
3	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	
III. Sở Y tế			
4	1.004616	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	Bộ phận Một cửa Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công
IV. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
5	1.009397	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị	Bộ phận Một cửa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành

		sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	chính công
6	1.004650	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	
7	1.004645	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	
V. Sở Giao thông vận tải			
8	1.002809	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công
9	1.002820	Cấp lại Giấy phép lái xe	
10	1.002793	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	
11	1.002796	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	
12	1.002801	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	
13	1.002804	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	
14	1.002835	Cấp mới Giấy phép lái xe	
VI. Ủy ban nhân dân cấp huyện			
15	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
16	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
17	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
18	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
19	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	

20	1.004177	Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
21	1.004269	Cung cấp dữ liệu đất đai
22	2.001761	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
23	2.001938	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý
24	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
25	1.003003	Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
26	2.000983	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
27	1.002255	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
28	2.000976	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp
29	1.002273	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong dự án phát triển nhà ở
30	1.002993	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định

31	2.000889	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận
32	1.001991	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất của nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
33	1.004238	Xoá đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
34	2.000880	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.
35	1.004227	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi do xác định lại diện tích đất ở trong thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
36	1.001134	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê

		hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	
38	1.004221	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa liên kế sau khi được cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	
39	1.001990	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	
40	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
41	1.004199	Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
42	1.005194	Cấp lại giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất	
43	1.004193	Đính chính giấy chứng nhận đã cấp	
44	1.001980	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
45	1.001009	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	
46	1.004217	Gia hạn đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	
47	1.004206	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	
48	1.003010	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	
49	1.002040	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không trình cơ quan nhà nước và phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người	

		Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	
50	1.002253	Giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	
51	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	
52	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	
53	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	
54	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	
55	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	
56	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	
57	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
58	2.000843	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
59	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
60	2.001044	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	
61	2.001050	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	

62	2.001052	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	
VII. Ủy ban nhân dân cấp xã			
63	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn
64	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
65	2.001019	Chứng thực di chúc	
VIII. Cơ quan ngành dọc tại địa phương			
Bảo hiểm xã hội			
66	605a	Gộp sổ BHXH trong trường hợp một người có từ 2 sổ trở lên	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Bảo hiểm xã hội tỉnh
67	607a	Cấp lại sổ BHXH không thay đổi thông tin	
68	608a	Cấp lại sổ BHXH do thay đổi thông tin	
69	612a	Cấp lại, đổi thẻ BHYT do mất, hỏng không thay đổi thông tin	
70	630d	Giải quyết hưởng chế độ thai sản đối với người lao động thôi việc trước thời điểm sinh con, nhận nuôi con nuôi	
71	648a	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất đối với người đang tham gia đóng BHXH bắt buộc chết	
Công an			
72		Cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước	- Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an tỉnh
73		Trình báo mất hộ chiếu phổ thông	- Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an tỉnh;

			- Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an cấp huyện; - Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an cấp xã;
74		Khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông	Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an cấp huyện
75		Cấp thẻ Căn cước công dân khi đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	- Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an tỉnh; - Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an cấp huyện;
76		Đổi thẻ Căn cước công dân	
77		Cấp lại thẻ Căn cước công dân	
78		Xác nhận sổ chứng minh nhân dân, Căn cước công dân	
79		Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với công dân Việt Nam	Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an tỉnh
80		Đề nghị huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	
81		Thông báo số định danh cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và trả Kết quả Công an cấp xã
82		Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú	
83		Xác nhận thông tin về cư trú	
84		Khai báo tạm vắng	
Tổng cộng: 84 thủ tục hành chính			